

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ VÕ
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án dân sự sơ thẩm
Số: 23/2017/HNGĐ-ST.
Ngày 15/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Sách; Ông Nguyễn Hữu Hân

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Hòa, Cán bộ tòa án.

Đại diện VKS nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Võ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2017/TLST - HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2017 về Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Hg, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

Đều có HKTT tại: Thôn An Đ, xã Cách B, huyện Quế V, tỉnh BN.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Hg kết hôn năm 1997 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cách B, huyện Quế V, tỉnh BN. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ổn định đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Hg sang Trung Quốc làm ăn có quan hệ trai gái nên vợ chồng luôn xảy ra cãi vã do ghen tuông. Từ chuyện đó mẹ chồng và chồng đánh chị nói đánh cho chị hết tính ghen. Năm 2010 chị sinh con phải mổ cấp cứu nhưng nhà chồng và chồng không ai quan tâm. Năm 2013 chị đi làm mướn về muộn thì mẹ chồng vu là chị đi bán bia ôm, anh Hg điện thoại về bảo mẹ anh đuổi chị đi nên chị đã phải về nhà để ở từ tháng 6/2013 cho đến nay. Khoảng cuối 2013 đầu 2014 anh Hg làm đơn xin ly hôn chị nhưng quá trình tòa án giải quyết ly hôn anh Hg yêu cầu phân chia tài sản nhưng lại bắt chị nộp tiền án phí yêu cầu chia tài sản, chị không đồng ý nộp sau đó một thời gian chị nghe tin anh Hg rút đơn ly hôn tuy nhiên vợ chồng vẫn không chung sống cùng nhau. Thỉnh thoảng chị về làng lễ chùa, anh Hg nhìn thấy là đánh chị. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị làm đơn đề nghị tòa án giải quyết cho chị ly hôn vì hiện tại anh Hg cũng đang chung sống tại nhà cùng người phụ nữ khác và đã có con với người đó rồi. Chị và anh Hg không còn tình cảm gì với nhau cả.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung: Nguyễn Văn Huynh, sinh ngày 08/5/2002; Nguyễn Thị Trà My, sinh ngày 15/11/2004; Nguyễn Văn Hải, sinh ngày 21/9/2010;

Hiện tại chị đang nuôi cháu Hải còn cháu My và cháu Huynh đang ở với bố; Sau khi vợ chồng ly hôn chị xin nuôi cả 3 con tuy nhiên quá trình tòa án giải quyết cháu Huynh và cháu My muốn ở với bố nên tùy các cháu quyết định.

Tài sản chung: Vợ chồng có thửa đất số 10, tờ bản đồ 25 diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 302m² tại thôn An Đ, xã Cách B, huyện Quế V, tỉnh BN. Đất là của vợ chồng chị mua đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất vợ chồng chị xây dựng một ngôi nhà trần diện tích 60m² (xây năm 2007) và 01 ngôi nhà 03 gian lợp proximang đã cũ nát. Toàn bộ tài sản chung của vợ chồng hiện tại anh Hg đang quản lý và sử dụng.

Ly hôn chị đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng gồm đất và nhà trần còn 03 gian nhà cũ và các tài sản khác chị không yêu cầu giải quyết. Chị đề nghị tòa án giao cho anh Hg quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng và anh Hg phải trích trả bằng tiền phần giá trị tài sản của chị được hưởng vì thực tế người thân, gia đình anh Hg ở xung quanh đất của vợ chồng chị cho nên nếu có chia bằng đất chị cũng không về đó ở chung với anh Hg được.

Công nợ chung: Không có.

Phía anh Nguyễn Văn Hg có lời khai trình bày: Anh kết hôn với chị H năm 2007 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn đầy đủ theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống ổn định đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cả anh và chị H đều có các quan hệ ngoài chồng, vợ. Do mâu thuẫn căng thẳng nên năm 2014 anh làm đơn xin ly hôn với chị H nhưng do chị H không về giải quyết nên anh phải rút đơn ly hôn. Thời điểm đó chị H đã bỏ theo người đàn ông khác vợ chồng ly thân không ai quan tâm đến ai. Chị H bỏ đi mang theo 01 con còn 02 con ở lại với anh. Đến nay chị H làm đơn ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Anh chị có 03 con như chị H đã khai. Nếu vợ chồng ly hôn tùy các con muốn ở với ai cũng được.

Tài sản chung: Vợ chồng anh có tài sản chung là gian nhà 03 gian cấp 4 lợp proximang đến nay lợp xúp rồi ngoài ra vợ chồng không có tài sản chung gì.

Đất anh đang ở là đất của mẹ anh mua và sang tên cho riêng anh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện tại anh cho mượn để vay tiền ngân hàng NNo&PTNT tại Đông D (vay số tiền 50.000.000đ); Việc cho mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng chỉ là cho mượn không giấy tờ gì; Vay tiền cũng là cán bộ quen cho vay và để sổ đỏ lại làm tin chứ không có hợp đồng vay mượn gì cả. Trên đất còn có ngôi nhà trần 01 tầng diện tích 65 m² là nhà do anh xây dựng; Nhà và đất là tài sản của riêng anh không liên quan đến chị H. Anh không đồng ý phân chia tài sản gì cả.

Công nợ: Việc cho mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vay nợ tiền chỉ là giao dịch miệng giữa anh với mọi người, không có chứng cứ gì. Khoản vay này là vay của cá nhân anh không liên quan đến chị H nên anh không đồng ý cung cấp chứng cứ và không yêu cầu giải quyết gì.

Tòa án đã triệu tập các đ-ơng sự để thông báo chứng cứ và hòa giải nhưng anh Hg luôn vắng mặt; Tòa án đã lập các biên bản không tiếp cận chứng cứ và không hòa giải được giữa chị H và anh Hg.

Tại phiên tòa chị H giữ nguyên quan điểm của mình;

Anh Hg đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Hg.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ đã phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Xử: Chị Nguyễn Thị H đ- ợc ly hôn anh Nguyễn Văn Hg

Về con chung: Đề nghị giao con Nguyễn Văn Hải, sinh ngày 21/9/2010 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con Nguyễn Văn Huynh, sinh ngày 08/5/2002 và Nguyễn Thị Trà My, sinh ngày 15/11/2004 cho anh Hg chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh chị được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Đề nghị xác nhận chị H và anh Hg có tài sản chung là thửa đất số 10 tờ bản đồ 25 tại An Đặng, Cách Bi, Quế Võ có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 302m² mang tên chủ sử dụng là “Hộ ông Nguyễn Văn Hg” và 01 nhà trên một tầng; Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng là 275.095.000đ; Đề nghị giao cho anh Hg được quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn và anh Hg có trách nhiệm trích trả chị H ½ giá trị tài sản là 137.547.500đ;

Công nợ chung anh chị đều khai không có nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị H và anh Hg phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Hg kết hôn năm 2007, việc kết hôn do anh chị tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký tại UBND xã Cách B, huyện Quế V. Xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp vì tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn.

Về yêu cầu ly hôn của chị H, HĐXX xét thấy: Cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh Hg thực sự xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đều xác định sống ly thân nhau đã lâu, trong suốt nhiều năm qua không có sự quan tâm gì đến nhau và đến nay giữa hai bên không còn tình cảm. Chị H xin ly hôn và anh Hg cũng nhất trí

Từ thực tế đó HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị là có thật, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt đ- ợc, căn cứ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình xét việc giải quyết cho anh chị ly hôn là phù hợp nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung: Nguyễn Văn Huynh, sinh ngày 08/5/2002; Nguyễn Thị Trà My, sinh ngày 15/11/2004; Nguyễn Văn Hải, sinh ngày 21/9/2010

Chị H xin được tiếp tục nuôi cháu Hải còn cháu My và cháu Huynh muốn ở với bố chị cũng đồng ý với nguyện vọng của các cháu;

Anh Hg cũng có lời khai về việc nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn tùy các con quyết định.

Cháu Hải có lời khai đề nghị tòa án cho cháu ở với mẹ;

Cháu Huynh và cháu My có lời khai đề nghị được ở cùng với bố nếu bố mẹ ly hôn;

Xét thấy cần chấp nhận theo nguyện vọng của chị Hường, anh Hg và các con anh chị về vấn đề con chung. Giao cháu Hải cho chị H tiếp tục chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Huynh và cháu My cho anh Hg tiếp tục chăm sóc giáo dục;

Việc cấp dưỡng anh chị không yêu cầu nên không đề cập giải quyết;

Anh chị được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở;

Về tài sản chung: Chị H kê khai và yêu cầu giải quyết tài sản chung của vợ chồng gồm có: Thửa đất số 10, tờ bản đồ 25 có diện tích 302m² tại An Đ, Cách B, Quê V và ngôi nhà trên 01 tầng trên đất. Ngoài ra chị không yêu cầu phân chia tài sản nào khác;

Anh Hg không chấp nhận yêu cầu về tài sản của chị H. Anh Hg có lời khai trình bày đất và nhà như chị H yêu cầu phân chia là tài sản của riêng anh (đất là của mẹ anh mua và đã làm thủ tục tặng cho anh, anh đã đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) còn nhà là do tự anh làm trong thời gian chị H bỏ đi nên chị H không đóng góp gì;

Tòa án yêu cầu anh Hg xuất trình chứng cứ là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng anh Hg từ chối không xuất trình;

Về thực tế khi xem xét: Đất ở của anh Hg được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 và tên chủ sử dụng đất là “Hộ ông Nguyễn Văn Hg”. Anh Hg nói mẹ anh mua đất và làm thủ tục tặng cho anh nhưng anh không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình;

Qua xác minh thực tế về nguồn gốc đất ở của anh Hg: Tại biên bản làm việc ngày 21/4/2017 ông Nguyễn Kim Khuê là cán bộ địa chính xã Cách B cung cấp cho Tòa án biết: Tại địa phương, vợ chồng anh Hg, chị H có tài sản là thửa đất số 01 tờ bản đồ An Đ, diện tích là 302m² theo quyết định số 375/QĐUB (H) ngày 18/12/2000 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên “Hộ ông Nguyễn Văn Hg”. Năm 2003 nhà nước đã đo đạc lại đất đai nên thửa đất của vợ chồng anh Hg là thửa đất số 10 tờ bản đồ 25 có diện tích thực tế là 310m²; đây là diện tích thực sử dụng còn diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là diện tích trước đó chủ sử dụng tự kê khai. Nguồn gốc thửa đất trước đây là khu thung lũng do xã quản lý. Năm 1995-1996 xã làm thủ tục cắm đất ở cho dân. Vợ chồng anh Hg là người đứng tên đầu tiên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không hề có việc sang tên từ mẹ anh Hg cho con.

Quá trình xác minh tại địa phương trên cơ sở lời trình bày cung cấp của người dân xung quanh gia đình anh Hg có xác nhận thời điểm trước đây gia đình anh Hg, chị H mua đất của địa phương; Những người dân xung quanh gia đình anh Hg cũng xác định, thời điểm xây nhà trên vợ chồng anh Hg, chị H vẫn chung sống cùng nhau;

Trong lời khai của mình anh Hg cũng xác định năm 2013 chị H đưa cháu Hải bỏ đi; Năm 2014 mâu thuẫn vợ chồng anh trầm trọng nên anh đã làm đơn xin ly hôn chị H; Tại các tài liệu thu thập tại hồ sơ ly hôn của anh Hg vào năm 2014 (hồ sơ thụ lý số 24 ngày 22/10/2014) trong đơn ly hôn cùng toàn bộ các lời khai của anh Hg cũng như biên

bản hòa giải tại Tòa án giữa anh Hg và chị H thời điểm đó, anh Hg và chị H đều xác nhận tài sản chung của vợ chồng là mảnh đất ở diện tích 302m² đã được UBND huyện Quế Võ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn Hg và ngôi nhà trần xây dựng năm 2007;

Như vậy xét thấy lời khai của chị H kê khai tài sản chung của vợ chồng là có cơ sở nên cần chấp nhận và xác định thửa đất và ngôi nhà trần hiện tại anh Hg đang quản lý, sử dụng là tài sản chung của anh Hg và chị H trong thời kỳ hôn nhân;

Ngày 25/5/2017 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định và định giá tài sản tranh chấp: Thửa đất số 10 tờ bản đồ 25 tại An Đặng, Cách Bi, Quế Võ có diện tích thực tế là 310m² (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 302m²); Giá đất là 774.000đ/m²;

Chị H đề nghị Tòa án tính giá trị đất theo diện tích quy định trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị không yêu cầu tính theo diện tích thực tế anh Hg đang sử dụng; Xét thấy sự tự nguyện của chị H là hợp lý nên chấp nhận theo đề nghị này của chị H.

Như vậy giá trị đất sẽ là: 774.000đ/m² x 302 m² = 233.748.000đ

Tài sản trên đất: Nhà 01 tầng đồ trần xây dựng từ năm 2007 có giá trị còn lại là 41.347.000đ;

Tổng cộng giá trị nhà, đất chị H yêu cầu giải quyết là: 275.095.000đ

Chị H và anh Hg không có ý kiến gì về việc định giá.

Toàn bộ các tài sản này hiện tại đang do anh Hg quản lý, sử dụng. Chị H có đề nghị để anh Hg tiếp tục quản lý sử dụng tất cả các tài sản này và trích trả cho chị bằng tiền mặt để chị tạo dựng chỗ ở mới vì thực tế nếu chia bằng đất thì chị không thể về sống gần anh Hg được; Xét thấy yêu cầu của chị H là hợp lý nên cần chấp nhận; Giao cho anh Hg quản lý sử dụng toàn bộ đất và các tài sản trên đất tuy nhiên anh Hg phải có trách nhiệm trích trả chị H ½ tổng giá trị tài sản.

Các tài sản khác trên đất chị H và anh Hg đều không yêu cầu xem xét thẩm định, định giá và phân chia nên không đề cập giải quyết.

Về công nợ: Chị H khai chị và anh Hg không có nợ nần ai.

Phía anh Hg có lời khai trình bày anh có cho anh Nguyễn Văn T địa chỉ: An Đ, Cách B, Quế V mượn để vay tiền ngân hàng NNo&PTNT tại Đông Du (vay số tiền 50.000.000đ); Việc cho mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng chỉ là cho mượn không giấy tờ gì; Vay tiền cũng là cán bộ quen cho vay và để giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại làm tin chứ không có hợp đồng vay mượn gì cả. Anh xác định đây là quan hệ vay mượn của riêng anh không liên quan đến chị H anh không xuất trình chứng cứ và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét là phù hợp;

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật;

Chị H và anh Hg phải chịu án phí phân chia tài sản;

Về chi phí xem xét thẩm định, định giá: Chị H tự nguyện nộp toàn bộ số tiền 5.000.000đ nên cần chấp nhận sự tự nguyện của chị.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 59, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147; 227, 239, 243, 247, 248, 249, 254, 264 Bộ luật tố tụng dân sự ; Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử: Chị Nguyễn Thị H đ- ọc ly hôn anh Nguyễn Văn Hg

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Văn Hải, sinh ngày 21/9/2010 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con Nguyễn Văn Huỳnh, sinh ngày 08/5/2002 và Nguyễn Thị Trà My, sinh ngày 15/11/2004 cho anh Hg chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh chị được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Xác nhận chị H và anh Hg có tài sản chung là: Thửa đất số 10 tờ bản đồ 25 tại An Đ, Cách B, Quế V có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 302m2 mang tên chủ sử dụng là “Hộ ông Nguyễn Văn Hg” và 01 nhà trần một tầng;

Giao cho anh Hg được quản lý, sử dụng, sở hữu toàn bộ tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn;

Anh Hg có trách nhiệm trích trả chị H giá trị tài sản là 137.547.500đ

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi xuất đối với số tiền phải thi hành án; Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định quy định tại Điều 468 BLDS;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự đ- ược thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. (Xác nhận chị H đã nộp đủ số tiền này tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/04638 ngày 20/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Võ)

Anh Hg và chị H mỗi người phải chịu 6.877.000đ án phí phân chia tài sản;

(Chị H được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 3.140.000đ đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/04638 ngày 20/02/2017; Chị H còn phải nộp 3.737.000đ án phí phân chia tài sản)

Về chi phí tố tụng khác: Chị H phải chịu 5.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản (xác nhận chị H đã nộp đủ số tiền này)

Đương sự có mặt đ- ọc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận kết quả bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Quế Võ;
- THADS huyện Quế Võ;
- UBND xã Cách Bì.
- Các đ- ơng sự.
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Chủ tọa phiên toà

